

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 1168/2025/DS-ST

Ngày: 23-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Chon;
- Ông Huỳnh Vĩnh Lộc.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 453/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 576/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 517/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V (viết tắt là V1); trụ sở chính: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là phường Đ, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị V1.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Thành T, chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân (*Văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT 28/7/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị V1*)

Ông T ủy quyền lại cho các ông (bà): Trần Thị Ái H, chức vụ: Trưởng bộ phận; Đoàn Hoài N, Nguyễn Đăng T1, Nguyễn Văn T2, Trần Gia B, Phan Ngọc M, cùng chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; cùng địa chỉ: Tầng A, Số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Văn bản ủy quyền số 1235/2025/UQ-VPB ngày 11/8/2025*) (ông M có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hòa T3, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ A, Ấp C, xã B (địa chỉ cũ: xã H, huyện C), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V có ký với ông Nguyễn Hòa T3 các hợp đồng cho vay sau:

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 28/12/2022 với nội dung sau: Số tiền cho vay: 200.000.000 đồng với mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống. Dư nợ thực tế tạm tính đến ngày 23/9/2025 theo hợp đồng cho vay trên, nợ gốc: 199.999.840 đồng, nợ lãi: 210.639.688 đồng, tổng cộng là 410.639.528 đồng.

Cách tính lãi của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, như sau:

1. Tổng dư nợ = Nợ gốc + Nợ lãi

1.1. Nợ gốc = Tổng số tiền sử dụng trong kỳ (4) – Gốc đã trả (8)

1.2. Nợ lãi = Lãi trả góp phát sinh (11) + Lãi phát sinh (12) – Lãi đã trả (10)

1.2.1. Lãi phát sinh (12) = Nợ gốc * Lãi suất thẻ (Tài liệu đính kèm) * Số dư ngày cần tính/365

2. Dư nợ cuối kì (13) = Dư nợ đầu kỳ (3) + Số tiền đã sử dụng trong kỳ (4) + Lãi trả góp phát sinh (11) + Lãi phát sinh (12) – Tổng tiền trả trong kỳ (5)

2.1 Tổng tiền trả trong kỳ (5) = Gốc đã trả (8) + Phí đã trả (9) + Lãi đã trả (10)

2.2. Dư nợ đầu kỳ (3) = Dư nợ cuối kỳ (13) trước

3. Tổng tiền khách hàng đã trả = G đã trả + Lãi và phí đã trả

3.1. Gốc đã trả = Tổng gốc đã trả (8)

3.2. Lãi và phí đã trả = Phí đã trả (9) + Lãi đã trả (10)

4. Tổng tiền khách hàng đã sử dụng = Tổng tiền sử dụng trong kỳ (4)

Tính đến ngày 28/9/2023, tổng tiền khách hàng đã sử dụng là 1.109.249.000 đồng, tổng tiền khách hàng đã trả là 921.097.000 đồng, gồm gốc đã trả: 90.249.160 đồng và lãi đã trả: 11.847.840 đồng. G còn phải trả là 199.999.840 đồng. Sau ngày 28/9/2023 cho đến nay, ông T3 không còn thanh toán cho V1 bất kì khoản dư nợ nào nữa. Theo bảng tóm tắt sao kê thẻ của ông Nguyễn Hòa T3 ngày 23/9/2025, do có sự điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng, cụ thể điều chỉnh từ 2.79%/tháng lên thành 3.99%/tháng kể từ ngày 28/5/2024, do đó cột lãi phát sinh có sự chênh lệch số tiền tại kỳ 4/2024 và 5/2025. Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông Nguyễn Hòa T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 14/02/2024 đối với V1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Mặc dù V1 đã tạo điều kiện về thời gian cho ông Nguyễn Hòa T3 trả nợ nhưng ông vẫn cố tình trốn tránh, không có ý thức trả nợ cho V1. Xét thấy bên vay không còn khả năng thanh toán nợ do đó V1 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với Hợp đồng tín dụng trên.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần V yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hòa T3 phải trả ngay một lần, toàn bộ số tiền cho V1 tạm tính đến ngày 23/9/2025 là: 410.639.528 (Bốn trăm mười triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn năm trăm hai mươi tám) đồng. Cụ thể, nợ gốc: 199.999.840 đồng, nợ lãi: 210.639.688 đồng.

Do ông Nguyễn Hòa T3 là bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa,

- Ông Phạm Ngọc M1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hòa T3 phải trả ngay một lần, toàn bộ số tiền cho V1 tạm tính đến ngày 23/9/2025 là: 410.639.528đ (Bốn trăm mười triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn năm trăm hai mươi tám) đồng. Cụ thể, nợ gốc: 199.999.840 đồng, nợ lãi: 210.639.688 đồng.

- Ông Nguyễn Hòa T3 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án:*

Theo nội dung Đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc loại tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện C (nay là xã B) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. *Việc tổng đạt, xét xử vắng mặt:*

Bị đơn ông Nguyễn Hòa T3 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T3.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn phải trả ngay một lần, toàn bộ số tiền cho V1 tạm tính đến ngày 23/9/2025 là: 410.639.528 (Bốn trăm mười triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn năm trăm hai mươi tám) đồng. Cụ thể, nợ gốc: 199.999.840 đồng, nợ lãi: 210.639.688 đồng.

[2.1]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sự thừa nhận của các bên, Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Ngày 28/12/2022, ông T3 đã thỏa thuận ký kết với V1 các hợp đồng vay sau: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử. Theo hợp đồng số 102-P-0075082, V1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân; hạn mức sử dụng: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T3 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.109.249.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông T3 đã thanh toán cho V1 số tiền 921.097.000đ (Chín trăm hai mươi một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Do ông T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 28/09/2023 V1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 23/9/2025 ông Nguyễn Hòa T3 còn nợ V1 tổng số tiền là: 410.639.528đ (Bốn trăm mười triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn năm trăm hai mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 199.999.840 đồng và lãi quá hạn là 210.639.688 đồng.

Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 4 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận; cần buộc ông Nguyễn Hòa T3 trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng 410.639.528đ (Bốn trăm mười triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn năm trăm hai mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 199.999.840 đồng và lãi quá hạn là 210.639.688 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.2]. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, ông T3 vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng

mặt ông T3 căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định. Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được Công bố theo Quyết định số: 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ vào Điều 7 và Điều 8 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với bị đơn ông Nguyễn Hòa T3.

Buộc ông Nguyễn Hòa T3 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền là 410.639.528 (Bốn trăm mười triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn năm trăm hai mươi tám) đồng, trong đó: Nợ gốc 199.999.840 đồng, nợ lãi: 210.639.688 đồng. Trả một lần số tiền trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Hòa T3 phải chịu nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.425.581đ (Hai mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi một đồng) đối với yêu cầu của V1 được chấp nhận.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí là 10.282.429đ (Mười triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0064684 ngày 28/05/2025 của Chi cục T4 hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Địa điểm thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 -
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Khu vực 8 -
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Anh Đạt